

Số: 14/2025/QĐHC-PT

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm
2025*

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Mỹ Cúc

Các Thẩm phán:

Bà Lê Ngọc Nga

Bà Nguyễn Thị Bảo Thu

*- Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thùy Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh*

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
họp: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên*

Trong các ngày 18 và 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc
thẩm thụ lý số 07/2025/TLPT-HC ngày 20 tháng 3 năm 2025 về "Khiếu kiện
hành vi hành chính về quản lý đất đai".

Do Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 02/2025/QĐST-HC
ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố
Hồ Chí Minh (viết tắt Tòa án ND huyện B) bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp số 1829/QĐHC-PT ngày 03 tháng 4 năm
2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Tôn Nữ Thị T, sinh năm 1955

Cư trú: 2C77 ấp B, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện ủy quyền ngày 18/6/2024 (BL38): Công ty L2

*Trụ sở: 234 (lầu 1) Thành Công, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí
Minh*

*Người đại diện ủy quyền lại ngày 18/6/2024 (BL36): Bà Nguyễn Thị
Khánh L hoặc bà Tạ Thị Hồng T1 hoặc ông Nguyễn Quảng A*

2. Người bị kiện: Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B

Trụ sở: 79 (lầu 2) T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện pháp luật: Ông Trần Ngọc D – Trưởng ban

Người đại diện ủy quyền ngày 18/10/2024: Ông Trần Ngọc V – Phó ban

3. Người kháng cáo: Bà Tôn Nữ Thị Thu

NHẬN THẤY:

Đơn khởi kiện gửi ngày 18/6/2024 (BL21), Đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/4/2024 (BL28), Bản tự khai ngày 10/10/2024 (BL71), người khởi kiện và đại diện ủy quyền trình bày:

Ông Tôn Thất D1 (viết tắt ông D1), bà Ngô Thị M (viết tắt bà M) sử dụng diện tích đất vườn 1.338,5m² thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ (viết tắt tờ BD) số 07 theo Tài liệu 299/TTg tương ứng một phần thửa 24, tờ BD số 117 theo tài liệu bản đồ địa chính tại nhà đất số B ấp B, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt nhà đất số B ấp B, xã P) được Ủy ban nhân dân, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt UBND huyện B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy CNQSDĐ) số W532304 (số vào Sổ GCN: 374 QSDĐ/Q1/150) ngày 02/4/2003 (BL46). Do chuyển nhượng một phần diện tích đất nêu trên nên ghi nhận diện tích còn lại 719,5m² trong giấy chứng nhận vào ngày 15/5/2003.

Ông D1, bà M có ba người con: ông Tôn Thất D2 (viết tắt ông D2), bà Tôn Nữ Thị T (viết tắt bà T) và ông Tôn Thất T2 (viết tắt ông T2).

Ngày 13/7/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt Văn phòng ĐKQSDĐ huyện B) cập nhật đăng ký di sản thừa kế của ông D1 (mất năm 2011) cho bà M, ông D2, ông T2 đều tặng cho bà T và bà T đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận nêu trên theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản (viết tắt Văn bản TTDS) số 85 ngày 30/6/2010 (BL61) và các văn bản ủy quyền của bà M, ông D2, ông T2 lập ngày 31/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt UBND xã P). Ngoài ra, còn chứng thực Giấy ủy quyền lập ngày 31/5/2011 của ông Ngô Tôn H (viết tắt ông H) và bà Đinh Thị Thùy L1 (viết tắt bà L1) cho dì là bà T được toàn quyền định đoạt, mua bán, cho tặng quyền sử dụng đất trong giấy chứng nhận nêu trên.

Trong phần diện tích trên có một phần diện tích 138m² đất bị thu hồi và được phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định số 5285/QĐ-UBND (BL56) và Quyết định số 5288/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 (BL54) của UBND huyện B để thực hiện Dự án thành phần 2: đường V đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt Dự án Vành Đai 3) đối với bà T đại diện hộ gia đình ông D1.

Ngày 02/10/2023, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt Ban BT-GPMB huyện B) ban hành Văn bản số 7591/BBT (BL75) đề nghị gia đình ông D1 thực hiện thủ tục kê khai di sản thừa kế và cung cấp hồ sơ để chi tiền bồi thường.

Ngày 04/01/2024, ông D2, ông T2 tặng cho bà T toàn bộ phần di sản được hưởng của bà M (mất năm 2013) trong giấy chứng nhận nêu trên theo Văn bản TTDS số 0125 (BL64), trong đó có số tiền được bồi thường, hỗ trợ nêu tại Quyết định số 5288/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND huyện B.

Ngày 02/02/2025, bà L1 gửi đơn xác nhận “... *tôi không thuộc thành viên hộ ông Tôn Thất D1 và cũng không có quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 78, ... Trường hợp tôi được cơ quan có thẩm quyền công nhận và được chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên thì tôi đề nghị toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ tôi được nhận sẽ do bà Tôn Nữ Thị Thu N và được toàn quyền quyết định đối với số*

tiền trên ... Tôi cam kết không kiện cáo hay khiếu nại gì đối với việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ trên của bà Tôn Nữ Thị T.”.

Do không nhận được tiền bồi thường, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án ND huyện Bình Chánh tuyên hành vi trái pháp luật của Ban BT-GPMB huyện B không chi tiền bồi thường, hỗ trợ và buộc chi trả số tiền 574.512.000 đồng cùng với tiền lãi 0.03%/ngày cho đến ngày nhận xong số tiền theo điểm a và b khoản 2 Điều 59 Luật Quản lý thuế.

Tại Văn bản số 11750/BBT ngày 25/10/2024 (BL81) và số 14628/BBT ngày 24/12/2024 (BL84), đại diện người bị kiện trình bày:

Thời điểm cấp giấy chứng nhận ngày 02/4/2003 và hộ khẩu của Công an huyện B cấp ngày 21/01/1995 cho hộ ông D1 tại nhà đất số B ấp B, xã P gồm có 07 (B) nhân khẩu: vợ và ba người con của ông D1, ngoài ra còn có ông H và bà L1 nên đề nghị bà T liên hệ lập thủ tục ủy quyền để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng vẫn chưa nộp tài liệu này nên không thể chi tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 5288/QĐ-UBND ngày 01/8/2023. Do đó, kiến nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, thực hiện thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Đồng thời, ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 02/2025/QĐST-HC ngày 18/02/2025 do bà T không có quyền khởi kiện đối với Ban BT-GPMB huyện B.

Ngày 27/02/2025, bà T gửi Đơn kháng cáo.

Tại phiên họp phúc thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà T và giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét Đơn kháng cáo của bà T còn trong thời hạn theo khoản 2 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (viết tắt Luật TTHC), nên chấp nhận.

[2] Xét phần diện tích đất còn lại 719,5m² trong giấy chứng nhận ngày 02/4/2003 của UBND huyện B được Văn phòng ĐKQSDĐ huyện B cập nhật đăng ký di sản thừa kế của ông D1 ngày 13/7/2011 và bà T đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận này, trong đó có một phần diện tích đất 138m² bị thu hồi và bồi thường, hỗ trợ với số tiền 574.512.000 đồng theo Quyết định số 5285/QĐ-UBND và số 5288/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND huyện B để thực hiện Dự án Vành Đai 3. Do không nhận số tiền trên, bà T thực hiện quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nộp đơn khởi kiện và được Tòa án ND huyện Bình Chánh thụ lý phù hợp khoản 8 Điều 3, Điều 5, Điều 8, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật TTHC là có căn cứ.

[3] Cấp sơ thẩm nhận định: việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thu hồi cho bà T đại diện hộ gia đình ông D1 theo Quyết định số 5288/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 là thuộc thẩm quyền của UBND huyện B theo

điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 và Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 là có căn cứ. Trong hồ sơ không thể hiện văn bản thông báo cho bà T về hành vi không chi trả tiền bồi thường như vừa nêu trên để bà T xác định lại đối tượng người bị kiện không phải là Ban BT-GPMB huyện B vì chỉ thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của UBND huyện B về trình tự thủ tục thu hồi đất, chi trả tiền bồi thường, ... theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban BT-GPMB huyện B kèm theo Quyết định số 4665/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 của UBND huyện B. Trường hợp không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện thì đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm g khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143 Luật TTHC.

[4] Từ sự phân tích trên, cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 02/2025/QĐST-HC ngày 18/02/2025 do bà T không có quyền khởi kiện Ban BT-GPMB huyện B như đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên quyết định này là không có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, ngày 18/4/2025, đại diện ủy quyền của người khởi kiện nộp Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 17/4/2025 của bà T xác định hành vi không chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 5288/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 là UBND huyện B được xem là tình tiết mới nên giữ lại hồ sơ để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo khoản 4 Điều 32 Luật TTHC. Bà T được miễn nộp án phí phúc thẩm theo Đơn đề nghị ngày 27/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 243 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015,

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Tôn Nữ Thị T.

Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 02/2025/QĐST-HC ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ban hành quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- Viện KSND Thành phố HCM;
- TAND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mỹ Cúc